

Phụ lục 1**Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các Sở, ban ngành tỉnh tháng 4/2025***(Kèm theo Văn bản số: /VP-HCC ngày / /2025 của Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai)*

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai minh bạch (số điểm đạt/18 điểm)	Tiến độ giải quyết đúng hạn (số điểm đạt/20 điểm)	Dịch vụ trực tuyến (số điểm đạt/22 điểm)		Mức độ hài lòng (số điểm đạt được/18 điểm)	Số hóa hồ sơ (số điểm đạt/22 điểm)	Tổng điểm/100 điểm	Tổng hợp xếp loại
				DVCTT (12 điểm)	TTTT (10 điểm)				
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	17.5	18.5	7.9	10.0	18.0	13.6	85.5	Tốt
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18.0	18.9	9.0	5.9	18.0	14.9	84.7	Tốt
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	14.8	16.0	8.8	10.0	16.9	14.7	81.2	Tốt
4	Sở Công Thương	1.8	19.4	11.4	9.8	18.0	14.3	74.6	Khá
5	Sở Xây dựng	14.1	18.9	9.7	3.3	17.0	14.3	77.3	Khá
6	Sở Khoa học và Công nghệ	18.0	19.4	4.1	9.4	17.7	8.5	77.1	Khá
7	Sở Nội vụ	18.0	17.0	3.1	10.0	17.6	7.7	73.4	Khá
8	Sở Tài chính	18.0	17.6	2.3	10.0	17.9	6.6	72.4	Khá
9	Sở Y tế	15.1	18.6	11.1	6.3	16.6	16.8	84.6	Tốt
10	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	18.0	18.1	6.7	10.0	18.0	12.1	82.9	Tốt
11	Sở Tư pháp	0.6	11.8	2.8	8.6	15.8	17.6	57.3	Trung bình

Ghi chú: Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT); Thanh toán trực tuyến (TTTT).

Phụ lục 2

**Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện tháng 4/2025**
(Kèm theo Văn bản số: /VP-HCC ngày / /2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Tên UBND cấp huyện	Số điểm đạt được/100 điểm	Tổng hợp xếp loại
1	UBND huyện Định Quán	72,26	Khá
2	UBND huyện Nhơn Trạch	72,3	Khá
3	UBND huyện Cẩm Mỹ	81,69	Tốt
4	UBND huyện Long Thành	61,7	Trung bình
5	UBND huyện Thống Nhất	69,16	Trung bình
6	UBND huyện Vĩnh Cửu	64,62	Trung bình
7	UBND thành phố Long Khánh	71,48	Khá
8	UBND thành phố Biên Hòa	65,47	Trung bình
9	UBND huyện Trảng Bom	66,35	Trung bình
10	UBND huyện Xuân Lộc	68,47	Trung bình
11	UBND huyện Tân Phú	70,94	Khá

Phụ lục 3

**Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp xã tháng 4/2025**
(Kèm theo Văn bản số: / VP-HCC ngày / /2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/ 100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
I	UBND huyện Nhơn Trạch				
1	UBND xã Đại Phước	70,12		13,78	Khá
2	UBND xã Phước Khánh	88,41		2,35	Tốt
3	UBND xã Long Tân	70,14		6,54	Khá
4	UBND xã Phú Đông	71,74		13,52	Khá
5	UBND xã Phú Hữu	80,18		10,61	Tốt
6	UBND xã Phú Thạnh	66,84		14,58	Trung bình
7	UBND xã Phước Thiện	76,67		12,11	Khá
8	UBND thị trấn Hiệp Phước	76,36		13,33	Khá
9	UBND xã Vĩnh Thanh	76,79		3,37	Khá
10	UBND xã Phước An	76,8		3,72	Khá
11	UBND xã Phú Hội	80,64		6,03	Tốt
12	UBND xã Long Thọ	67,37		5,06	Trung bình
II	UBND thành phố Biên Hòa (đến thời điểm hiện tại, Hệ thống phần mềm đánh giá trên Cổng DVC quốc gia chưa tự động cập nhật tên các phường, xã)				
1	UBND phường Tân Hiệp	73,42		23,19	Khá
2	UBND phường Bình Đa	74,28		22,31	Khá
3	UBND phường Tân Phong	70,77		25,8	Khá
4	UBND phường Long Bình	68,7		27,24	Trung bình
5	UBND phường Long Bình Tân	76,12		19,77	Khá
6	UBND phường Hiệp Hòa	65,82		29,05	Trung bình
7	UBND phường An Bình	61,38		32,93	Trung bình
8	UBND phường Quang Vinh	84,1		9,84	Tốt
9	UBND phường Bửu Long	68,2		25,37	Trung bình
10	UBND phường Tân Vạn	74,62		18,64	Khá
11	UBND phường Tân Hòa	69,5		23,3	Trung bình
12	UBND phường Trảng Dài	73,43		19,28	Khá
13	UBND phường Thống Nhất	84,38		7,44	Tốt
14	UBND phường Trung Dũng	71,97		19,39	Khá
15	UBND phường Tân Mai	65,47		25,78	Trung bình
16	UBND phường Tân Biên	68,52		22,39	Trung bình
17	UBND phường Phước Tân	72,38		18,47	Khá
18	UBND phường Hóa An	74,32		16	Khá
19	UBND phường An Hòa	88		0,95	Tốt

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/ 100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
20	UBND phường Tân Hạnh	71,99		16,79	Khá
21	UBND phường Hồ Nai	69,47		19	Trung bình
22	UBND phường Tam Hiệp	79,5		8,34	Khá
23	UBND phường Tam Phước	66,35		20,69	Trung bình
24	UBND xã Long Hưng	70,99		16,05	Khá
25	UBND phường Bửu Hòa	57,57		24,38	Trung bình
III	UBND thành phố Long Khánh				
1	UBND phường Suối Tre	76,75		13,72	Khá
2	UBND phường Bảo Vinh	69,03		10,16	Trung bình
3	UBND phường Xuân Lập	80,31		10,50	Tốt
4	UBND phường Xuân Hòa	87,39		3,36	Tốt
5	UBND xã Hàng Gòn	78,02		13,38	Khá
6	UBND phường Xuân An	72,2		9,42	Khá
7	UBND phường Xuân Tân	72,68		9,86	Khá
8	UBND xã Bàu Trâm	86,65		3,74	Tốt
9	UBND phường Bàu Sen	88,64		2,53	Tốt
10	UBND xã Bảo Quang	64,59		9,12	Trung bình
11	UBND phường Xuân Bình	68,88		14,39	Trung bình
12	UBND phường Phú Bình	65,72		7,35	Trung bình
13	UBND xã Bình Lộc	71,61		10,12	Khá
IV	UBND huyện Tân Phú				
1	UBND xã Trà Cỏ	73,33		14,84	Khá
2	UBND xã Thanh Sơn	67,41		21,49	Trung bình
3	UBND xã Phú Lộc	73,91		12,50	Khá
4	UBND xã Phú Lâm	73,77		14,57	Khá
5	UBND xã Phú Điền	78,63		12,68	Khá
6	UBND thị trấn Tân Phú	67,3		9,98	Trung bình
7	UBND xã Phú Thịnh	73,91		1,75	Khá
8	UBND xã Phú Thanh	74,49		15,35	Khá
9	UBND xã Phú Bình	64,79		22,09	Trung bình
10	UBND xã Đắc Lua	68,25		13,29	Trung bình
11	UBND xã Phú Sơn	69,64		6,70	Trung bình
12	UBND xã Phú Lập	72,51		11,49	Khá
13	UBND xã Phú Xuân	74,1		10,98	Khá
14	UBND xã Nam Cát Tiên	49,49		20,29	Yếu
15	UBND xã Phú An	84,92		5,07	Tốt
16	UBND xã Tà Lài	66,32		8,21	Trung bình
V	UBND huyện Vĩnh Cửu				

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/ 100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
1	UBND xã Trị An	68,4		7,36	Trung bình
2	UBND xã Vĩnh Tân	72,65		3,08	Khá
3	UBND xã Tân An	62,95		16,45	Trung bình
4	UBND thị trấn Vĩnh An	61,76		11,73	Trung bình
5	UBND xã Thiện Tân	77,88		2,55	Khá
6	UBND xã Phú Lý	67,11		16,23	Trung bình
7	UBND xã Tân Bình	63,08		5,15	Trung bình
8	UBND xã Thạnh Phú	63,08		2,10	Trung bình
9	UBND xã Mã Đà	60,36		5,80	Trung bình
10	UBND xã Bình Lợi	77,46	11,13		Khá
VI	UBND huyện Trảng Bom				
1	UBND xã Hưng Thịnh	73,68		9,88	Khá
2	UBND xã Đông Hòa	79,95		7,74	Khá
3	UBND xã Giang Điền	79,33		10,83	Khá
4	UBND thị trấn Trảng Bom	75,76		12,14	Khá
5	UBND xã Trung Hòa	67,81		4,07	Trung bình
6	UBND xã Đồi 61	78,42		6,05	Khá
7	UBND xã Tây Hòa	77,56		12,04	Khá
8	UBND xã Thanh Bình	85,94	5,03		Tốt
9	UBND xã Quảng Tiến	68,19		13,49	Trung bình
10	UBND xã Bình Minh	68,02		16,78	Trung bình
11	UBND xã Sông Thao	70,66		9,52	Khá
12	UBND xã Hố Nai 3	70,75		13,94	Khá
13	UBND xã An Viễn	69,99		4,35	Trung bình
14	UBND xã Cây Gáo	66,62		7,89	Trung bình
15	UBND xã Sông Trầu	68,82		13,46	Trung bình
16	UBND xã Bắc Sơn	69,12		5,71	Trung bình
17	UBND xã Bàu Hàm	67,73		11,17	Trung bình
VII	UBND huyện Long Thành				
1	UBND xã Lộc An	70,1		9,67	Khá
2	UBND xã Long An	64,66		11,56	Trung bình
3	UBND xã Tân Hiệp	68,29		9,41	Trung bình
4	UBND xã Bình An	68,5		22,11	Trung bình
5	UBND xã Long Đức	72,37		5,46	Khá
6	UBND xã Long Phước	71,73		14,20	Khá
7	UBND xã Cẩm Đường	63,3		9,55	Trung bình
8	UBND xã Phước Thái	69,33		12,11	Trung bình
9	UBND thị trấn Long Thành	61,33		4,58	Trung bình

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/ 100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
10	UBND xã Bàu Cạn	69,73		11,39	Trung bình
11	UBND xã Tam An	67,74		5,52	Trung bình
12	UBND xã Phước Bình	67,12		5,39	Trung bình
13	UBND xã Bình Sơn	66		2,15	Trung bình
14	UBND xã An Phước	61,81		3,91	Trung bình
VIII	UBND huyện Cẩm Mỹ				
1	UBND xã Thừa Đức	73,14		11,88	Khá
2	UBND xã Sông Nhạn	74,57		15,74	Khá
3	UBND thị trấn Long Giao	71,7		13,24	Khá
4	UBND xã Xuân Tây	74,67		13,72	Khá
5	UBND xã Nhân Nghĩa	83,02		8,98	Tốt
6	UBND xã Lâm San	85,94		5,04	Tốt
7	UBND xã Xuân Quế	71,64		10,15	Khá
8	UBND xã Xuân Đường	66,46		17,58	Trung bình
9	UBND xã Xuân Bảo	74,42		14,46	Khá
10	UBND xã Xuân Đông	71,94		9,52	Khá
11	UBND xã Sông Ray	80,26		7,75	Tốt
12	UBND xã Xuân Mỹ	73,66		16,80	Khá
13	UBND xã Bảo Bình	78,36		10,70	Khá
IX	UBND huyện Định Quán				
1	UBND xã Ngọc Định	87,91		4,20	Tốt
2	UBND thị trấn Định Quán	73,87		12,94	Khá
3	UBND xã Gia Canh	81,26		10,06	Tốt
4	UBND xã Túc Trung	78,55		7,70	Khá
5	UBND xã Phú Ngọc	84,3		7,75	Tốt
6	UBND xã Phú Cường	70,31		15,36	Khá
7	UBND xã Phú Lợi	82,93		6,44	Tốt
8	UBND xã Phú Hòa	74,42		11,94	Khá
9	UBND xã Phú Tân	74,16		9,59	Khá
10	UBND xã Phú Vinh	74,01		16,70	Khá
11	UBND xã La Ngà	72,55		18,85	Khá
12	UBND xã Phú Túc	74,91		15,37	Khá
13	UBND xã Suối Nho	79,6		10,32	Khá
14	UBND xã Thanh Sơn	58,81		10,03	Trung bình
X	UBND huyện Thống Nhất				
1	UBND thị trấn Dầu Giây	77,97		11,11	Khá
2	UBND xã Quang Trung	70,91		10,98	Khá
3	UBND xã Gia Tân 3	71,21		9,92	Khá

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/ 100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
4	UBND xã Lộ 25	67,25		14,46	Trung bình
5	UBND xã Gia Tân 1	69,49		12,60	Trung bình
6	UBND xã Hưng Lộc	85,69		4,78	Tốt
7	UBND xã Gia Kiệm	63,56		9,61	Trung bình
8	UBND xã Bàu Hàm 2	87,42		3,83	Tốt
9	UBND xã Gia Tân 2	71,71		9,12	Khá
10	UBND xã Xuân Thiện	58,68		9,13	Trung bình
XI	UBND huyện Xuân Lộc				
1	UBND xã Xuân Hòa	68,42		15,85	Trung bình
2	UBND xã Xuân Hiệp	72,49		11,53	Khá
3	UBND xã Suối Cát	78,98		12,45	Khá
4	UBND xã Xuân Thành	79,59		8,63	Khá
5	UBND xã Xuân Bắc	77,43		13,76	Khá
6	UBND xã Xuân Phú	70,45		2,52	Khá
7	UBND xã Xuân Định	82,16		6,44	Tốt
8	UBND thị trấn Gia Ray	65,05		23,52	Trung bình
9	UBND xã Suối Cao	73,19		10,14	Khá
10	UBND xã Lang Minh	70,94		16,78	Khá
11	UBND xã Xuân Hưng	66,66		17,14	Trung bình
12	UBND xã Xuân Tâm	69,46		9,17	Trung bình
13	UBND xã Xuân Trường	52,68		16,26	Trung bình
14	UBND xã Xuân Thọ	76,33	2,02		Khá
15	UBND xã Bảo Hòa	60,13		5,37	Trung bình